

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 6 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6029/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **Điều 2. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác**

##### **1. Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 02m<sup>3</sup>/s:**

a) Đối với kênh nổi, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra như sau: Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận đối với kênh đất tối thiểu là 01 m; đối với kênh đã kiên cố tối thiểu là 0,5m. Kênh có lưu lượng từ  $0,5\text{m}^3/\text{s}$  đến dưới  $02\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận đối với kênh đất tối thiểu là 02m; đối với kênh đã kiên cố tối thiểu là 01m.

b) Đối với kênh chìm:

- Đối với kênh không có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài cùng của kênh trở ra như sau: Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận đối với kênh đất tối thiểu là 01 m và đối với kênh đã kiên cố tối thiểu là 0,5 m; Kênh có lưu lượng từ  $0,5\text{m}^3/\text{s}$  đến dưới  $02\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận đối với kênh đất tối thiểu là 02m, đối với kênh đã kiên cố tối thiểu là 01m.

- Đối với kênh chìm có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường trở ra một khoảng như quy định đối với kênh không có đường quản lý.

c) Đối với công trình trên kênh: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài của phần xây đúc trở ra tối thiểu là 0,5m.

d) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

2. Cầu máng, đường ống, xi phông, tuynel: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài của phần xây đúc trở ra tối thiểu là 01m.

3. Trạm bơm:

a) Đối với trạm bơm có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Đối với trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

4. Đối với công trình đã có hồ sơ, ranh giới diện tích đất đã được thu hồi theo hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì phạm vi vùng phụ cận tính từ ranh thu hồi đất trở vào.

5. Đối với những công trình thủy lợi không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và Quyết định này, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan đảm bảo phù hợp với thực tế yêu cầu công tác quản lý, khai thác và bảo vệ của từng công trình thủy lợi.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các công trình thủy lợi đã được xác định phạm vi vùng phụ cận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện quản lý theo phạm vi đã được cấp có thẩm quyền quy định; giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã được cấp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên; Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**